DANH MỤC THUỐC ĐỀ NGHỊ MUA THÊM ĐƯỢC PHÂN BỔ TRONG THỎA THUẬN KHUNG

Gói thầu số 01: Thuốc generic

(Đính kèm Công văn số: /SYT-NV ngày / /2026 của Sở Y tế thành phố Đồng Nai)

Kính gửi : [01] Bệnh viện đa khoa Đồng Nai

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Tên thuốc	GPLH hoặc GPNK	Đơn vị tính	Đơn giá	Kết quả thực hiện					Đề nghị mua thêm		Kết quả duyệt			Ghi chú
								Số lượng được phân bổ	Số lượng đã điều tiết	Số lượng đã mua thêm	Số lượng đã nhập	Số lượng phân bổ còn lại đến thời điểm hiện tại	Số lượng	Thành tiền	Kết quả	Số lượng	Thành tiền	
1	2190300000027.01	Acyclovir	25mg/ml	Meileo	840110004924 (VN-20711-17)	ống	278,000	1,200	200		1,400		360	100,080,000	Đồng ý	360	100,080,000	
2	0180480015715.01	Levetiracetam 500mg	500mg	Leracet 500mg Film-coated tablets	840110987824 (VN-20686-17)	Viên	14,700	25,000	20,000		45,000		7,500	110,250,000	Đồng ý	7,500	110,250,000	
3	2241100026172.01	Rituximab	100mg/10ml	Rixathon	SP3-1231-21	Lọ	4,352,063	40			40		12	52,224,756	Đồng ý	12	52,224,756	
4	2241170026188.01	Rituximab	500mg/50ml	Rixathon	SP3-1232-21	Lọ	13,800,626	40			40		12	165,607,512	Đồng ý	12	165,607,512	
5	2220920001392.01	Sugammadex (dưới dạng sugammadex natri)	100mg/ml	Bridion	VN-21211-18	Lọ	1,814,340	690			690		207	375,568,380	Đồng ý	207	375,568,380	
6	2201040006467.02	Acyclovir	250mg	ASIMPLEX 250 mg Lyophilized Powder for Solution for Infusion	868110121824	Lọ	246,950	80	600		680		24	5,926,800	Từ chối			Công ty không thể cung ứng hàng
7	0180480015715.02	Levetiracetam	500mg	Levetral	893110068300 (VD-14032-11)	Viên	5,900	40,000			40,000		12,000	70,800,000	Đồng ý	12,000	70,800,000	
8	2241110027534.02	Levetiracetam	750mg	Levetral-750	VD-28916-18	Viên	9,450	5,000			5,000		1,500	14,175,000	Đồng ý	1,500	14,175,000	
9	2201040006467.04	Acyclovir	250mg	A.T Acyclovir 250mg	893110149523	Lọ	164,955	800			800		240	39,589,200	Đồng ý	240	39,589,200	
10	0180480015715.04	Levetiracetam	500mg	Levetacis 500	893110335223	Viên	940	15,000			15,000		4,500	4,230,000	Đồng ý	4,500	4,230,000	
11	2200510004316.04	Levetiracetam 500mg	500mg	Levaked	893110345324 (VD-31391-18)	Viên	8,500	39,150			39,150		11,740	99,790,000	Đồng ý	11,740	99,790,000	
12	2241130035496.05	Rituximab	500mg/50ml	REDDITUX	QLSP-862-15	Lọ	9,643,200	18			18		6	57,859,200	Đồng ý	6	57,859,200	
		Tổng số khoản : 12												1,096,100,84			1090174048	

DANH MỤC THUỐC ĐỀ NGHỊ MUA THÊM ĐƯỢC PHÂN BỔ TRONG THỎA THUẬN KHUNG

Gói thầu số 01: Thuốc generic

(Đính kèm Công văn số: /SYT-NV ngày / /2026 của Sở Y tế thành phố Đồng Nai)

Kính gửi : [01] Bệnh viện đa khoa Đồng Nai

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Tên thuốc	GPLH hoặc GPNK	Đơn vị tính	Đơn giá	Kết quả thực hiện					Đề nghị mua thêm		Kết quả duyệt			Ghi chú
								Số lượng được phân bổ	Số lượng đã điều tiết	Số lượng đã mua thêm	Số lượng đã nhập	Số lượng phân bổ còn lại đến thời điểm hiện tại	Số lượng	Thành tiền	Kết quả	Số lượng	Thành tiền	
1	2241100023959.01	Albumin người	10g/50ml	Flexbumin 20%	QLSP-0750-13	Túi	780,000	500	500		1,000		150	117,000,000	Đồng ý	150	117,000,000	
2	2241170023972.01	Albumin người	10g/50ml	Flexbumin 20%	QLSP-0750-13	Túi	780,000	5,200			5,200		1,560	1,216,800,000	Đồng ý	1,560	1,216,800,000	
3	2241110026315.01	Saxagliptin; Metformin Hydrochlorid	5mg; 1000mg	Komboglyze XR	VN-18678-15	Viên	21,410	38,000			38,000		11,400	244,074,000	Đồng ý	1,140	24,407,400	
4	2201000002997.01	Tamsulosin hydrochloride	0,4 mg	FLOEZY	840110031023 theo quyết định số 146/QĐ-QLD ngày 2/3/2023 V/v ban hành danh mục 170 thuốc nước ngoài được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 112	Viên	12,000	20,090			20,090		6,027	72,324,000	Đồng ý	6,027	72,324,000	
5	2241180026710.02	Albumin người	10g/50ml	Flexbumin 20%	QLSP-0750-13	Túi	780,000	3,800			3,800		1,140	889,200,000	Đồng ý	1,140	889,200,000	
6	2200510003821.03	Tamsulosin HCl	0,4mg	Xalgetz 0.4mg	VN-11880-11	Viên	3,400	120,000			120,000		36,000	122,400,000	Đồng ý	36,000	122,400,000	
7	TP054001.04	Clopidogrel (dưới dạng Clopidogrel bisulfat)	75mg	Tunadimet	893110288623	Viên	258	800,000			800,000		240,000	61,920,000	Đồng ý	240,000	61,920,000	
8	2241160034506.05	Albumin người	10g/50ml	Flexbumin 20%	QLSP-0750-13	Túi	780,000	750			750		225	175,500,000	Đồng ý	225	175,500,000	
		Tổng số khoản : 8												2,899,218,00			2679551400	

DANH MỤC THUỐC ĐỀ NGHỊ MUA THÊM ĐƯỢC PHÂN BỔ TRONG THỎA THUẬN KHUNG

Gói thầu số 01: Thuốc generic

(Đính kèm Công văn số: /SYT-NV ngày / /2026 của Sở Y tế thành phố Đồng Nai)

Kính gửi : [12] Trung tâm y tế khu vực Thống Nhất

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Tên thuốc	GPLH hoặc GPNK	Đơn vị tính	Đơn giá	Kết quả thực hiện					Đề nghị mua thêm		Kết quả duyệt			Ghi chú
								Số lượng được phân bổ	Số lượng đã điều tiết	Số lượng đã mua thêm	Số lượng đã nhập	Số lượng phân bổ còn lại đến thời	Số lượng	Thành tiền	Kết quả	Số lượng	Thành tiền	
1	2220920002580.04	Alphachymotrypsin	8.400IU	Katrypsin Fort	893110848424 (VD-20759-14)	Viên	349	100,000			100,000		30,000	10,470,000	Đồng ý	30,000	10,470,000	

DANH MỤC THUỐC ĐỀ NGHỊ MUA THÊM ĐƯỢC PHÂN BỔ TRONG THỎA THUẬN KHUNG

Gói thầu số 01: Thuốc generic

(Đính kèm Công văn số: /SYT-NV ngày / /2026 của Sở Y tế thành phố Đồng Nai)

Kính gửi : [24] Bệnh viện đa khoa Cao Su Đồng Nai

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Tên thuốc	GPLH hoặc GPNK	Đơn vị tính	Đơn giá	Kết quả thực hiện					Đề nghị mua thêm		Kết quả duyệt			Ghi chú
								Số lượng được phân bổ	Số lượng đã điều tiết	Số lượng đã mua thêm	Số lượng đã nhập	Số lượng phân bổ còn lại đến thời điểm hiện tại	Số lượng	Thành tiền	Kết quả	Số lượng	Thành tiền	
1	0180450003377.02	Calci carbonat + Vitamin D3	750mg + 200UI	Savprocal D	893110318224 (SĐK CŨ: VD-30502-18)	Viên	1,400	25,890			25,890		7,190	10,066,000	Đồng ý	7,190	10,066,000	
2	0180430014874.02	Calci lactat	300mg	CLIPOXID-300	VD-34168-20	Viên	1,800	15,000			15,000		4,000	7,200,000	Đồng ý	4,000	7,200,000	
3	0180480003613.02	Ceftriaxon	0,5g	Ceftriaxone 500	VD-19011-13	Lọ	19,000	8,000			8,000		2,000	38,000,000	Đồng ý	2,000	38,000,000	
4	1712600029327.03	Cefuroxim (dưới dạng cefuroxim axetil)	500mg	Cefcenat 500	VD-32889-19	Viên	2,155	31,930			31,830	100	8,400	18,102,000	Đồng ý	8,400	18,102,000	
5	2190360005840.03	Glibenclamid + Metformin hydrochlorid	2,5mg + 500mg	Glimet 500mg/2.5 tablets	893110465723 (DG3-3-20)	Viên	1,700	152,805			152,760	45	15,281	25,977,700	Đồng ý	15,281	25,977,700	
6	2220930002525.04	Acetylleucin (N-Acetyl – DL – Leucin)	1000mg	Vintanil 1g	VD-35633-22	Lọ	24,000	2,000			2,000		500	12,000,000	Đồng ý	500	12,000,000	
7	2210110000335.04	Piracetam	800mg	Piracetam 800	VD-20985-14	Viên	1,200	150,000			150,000		30,000	36,000,000	Đồng ý	30,000	36,000,000	
8	2241150033519.04	Sắt fumarat + Acid folic	162mg + 750mcg	Satavit	893100344023 (VD-18801-13)	Viên	900	50,000			50,000		15,000	13,500,000	Đồng ý	15,000	13,500,000	
9	2230510001916.04	Telmisartan	40mg	Telmisartan OD DWP 40	VD-35746-22	Viên	1,260	80,369			80,369		24,111	30,379,860	Đồng ý	24,111	30,379,860	
10	1712600029327.05	Cefuroxim (dưới dạng cefuroxim axetil)	500mg	Cefcenat 500	VD-32889-19	Viên	2,155	20,870			20,870		5,490	11,830,950	Đồng ý	5,490	11,830,950	
11	2190310003728.05	Rabeprazol natri	20mg	Rabeprazol 20mg	VD-35672-22	Viên	439	11,130			11,000	130	3,340	1,466,260	Đồng ý	3,340	1,466,260	
		Tổng số khoản : 11												204,522,770			204522770	

DANH MỤC THUỐC ĐỀ NGHỊ MUA THÊM ĐƯỢC PHÂN BỔ TRONG THỎA THUẬN KHUNG

Gói thầu số 01: Thuốc generic

(Đính kèm Công văn số: /SYT-NV ngày / /2026 của Sở Y tế thành phố Đồng Nai)

Kính gửi : [22] Bệnh viện tâm thần Trung Ương 2

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Tên thuốc	GPLH hoặc GPNK	Đơn vị tính	Đơn giá	Kết quả thực hiện					Đề nghị mua thêm		Kết quả duyệt			Ghi chú
								Số lượng được phân bổ	Số lượng đã điều tiết	Số lượng đã mua thêm	Số lượng đã nhập	Số lượng phân bổ còn lại đến thời điểm hiện tại	Số lượng	Thành tiền	Kết quả	Số lượng	Thành tiền	
1	2190380003710.01	Quetiapin (dưới dạng Quetiapin fumarat)	200mg	Seropin	VN-20976-18 (520110132224) (gia hạn đến 29/02/2029)	Viên	18,000	70,000			69,960	40	21,000	378,000,000	Đồng ý	21,000	378,000,000	
2	2241130026159.01	Risperidon	1mg	Torendo Q - Tab 1mg	VN-22951-21	Viên	9,800	50,000			49,170	830	15,000	147,000,000	Đồng ý	15,000	147,000,000	
3	2241130026166.01	Risperidon	2mg	Torendo Q - Tab 2mg	VN-22952-21	Viên	18,000	50,000			49,980	20	15,000	270,000,000	Đồng ý	15,000	270,000,000	
4	2190310002059.01	Natri valproat	200mg	Depakine 200mg	840114019124 (VN-21128-18)	Viên	2,479	108,500			108,480	20	32,550	80,691,450	Đồng ý	32,550	80,691,450	
5	2210250000127.01	Natri valproate; Acid valproic	333,00mg; 145,00mg	Depakine Chrono	VN-16477-13	Viên	6,972	160,000			159,990	10	48,000	334,656,000	Đồng ý	48,000	334,656,000	
6	2190310002059.02	Natri valproat	200 mg	Dalekine	VD-32762-19 (893114872324)	Viên	1,995	100,000			100,000		30,000	59,850,000	Đồng ý	30,000	59,850,000	
7	2210250000127.02	Natri valproate; Acid valproic	333,00mg; 145,00mg	Depakine Chrono	VN-16477-13	Viên	6,972	40,000			39,990	10	12,000	83,664,000	Đồng ý	12,000	83,664,000	
8	0180440015045.04	Glimepiride	2mg	Glimepiride 2mg	VD-34692-20	Viên	125	5,000			5,000		1,500	187,500	Đồng ý	1,500	187,500	
9	0180440015403.04	Tofisopam	50mg	Diropam	VD-34626-20	Viên	7,708	82,000			82,000		24,600	189,616,800	Đồng ý	24,600	189,616,800	
10	2230540002037.04	Vitamin B1 + B6 + B12	125mg + 125mg + 500mcg	MitivitB	VD-36256-22	Viên	2,000	125,981			125,970	11	36,469	72,938,000	Đồng ý	36,469	72,938,000	
		Tổng số khoản : 10												1,616,603,75			1616603750	

DANH MỤC THUỐC ĐỀ NGHỊ MUA THÊM ĐƯỢC PHÂN BỔ TRONG THỎA THUẬN KHUNG

Gói thầu số 01: Thuốc generic

(Đính kèm Công văn số: /SYT-NV ngày / /2026 của Sở Y tế thành phố Đồng Nai)

Kính gửi : [02] Bệnh viện đa khoa Thống Nhất Đồng Nai

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Tên thuốc	GPLH hoặc GPNK	Đơn vị tính	Đơn giá	Kết quả thực hiện					Đề nghị mua thêm		Kết quả duyệt			Ghi chú
								Số lượng được phân bổ	Số lượng đã điều tiết	Số lượng đã mua thêm	Số lượng đã nhập	Số lượng phân bổ còn lại đến thời điểm hiện tại	Số lượng	Thành tiền	Kết quả	Số lượng	Thành tiền	
1	0180480015678.01	Itraconazole	100mg	Sporal	VN-22779-21	Viên	14,200	5,000	1,000		5,000	1,000	1,500	21,300,000	Đồng ý	1,500	21,300,000	
2	2230540000705.02	Calci carbonat	1.250mg	Calcicar 500 Tablet	VN-22514-20	Viên	3,486	10,000			10,000		3,000	10,458,000	Đồng ý	30,000	104,580,000	
3	2201040003831.02	Calcium (dưới dạng Precipitated calcium carbonate 750mg) 300mg, Cholecalciferol (dưới dạng Cholecalciferol concentrate 0,1mg)	750mg + 0,1mg	Totcal Soft capsule	880100007900 (VN-20600-17)	Viên	3,900	85,000			85,000		25,500	99,450,000	Đồng ý	25,500	99,450,000	
4	0180450003377.02	Calci carbonat + Vitamin D3	750mg + 200UI	Savprocal D	893110318224 (SĐK CŨ: VD-30502-18)	Viên	1,400	86,000			85,890	110	25,800	36,120,000	Đồng ý	25,800	36,120,000	
5	2201080001743.02	Itraconazole (dưới dạng itraconazole pellets 22%)	100mg	Itranstad	893110697524(VD-22671-15)	Viên	10,500	3,000			2,980	20	900	9,450,000	Đồng ý	900	9,450,000	
6	2201050009977.02	Levodopa + Carbidopa (dưới dạng Carbidopa monohydrat)	100mg + 10mg	Creamec 10/100	VD-34729-20	Viên	3,200	7,500			7,500		2,250	7,200,000	Đồng ý	2,250	7,200,000	
7	2241150028171.02	Thiamin mononitrat (vitamin B1); Pyridoxin hydrochlorid (vitamin B6); Cyanocobalamin (vitamin B12)	110mg; 200mg; 500mcg	Solmelon	893100237523	Viên	1,890	50,000			50,000		15,000	28,350,000	Đồng ý	1,500	2,835,000	
8	2201050006471.04	Acid amin*	10%; 200ml	Amiparen 10%	893110453623	Chai/ Túi	63,000	16,500	300		16,800		4,950	311,850,000	Đồng ý	4,950	311,850,000	
9	2200540003969.04	Calci carbonat (tương đương 250mg Calci)	625mg	Kitno	893100207724	Viên	1,598	50,000			50,000		15,000	23,970,000	Đồng ý	15,000	23,970,000	
10	TV103301.04	Calci carbonat + Vitamin D3	1250mg + 125IU	Caldihasan	VD-34896-20	Viên	840	50,000			50,000		15,000	12,600,000	Đồng ý	15,000	12,600,000	
11	0180450003377.04	Calci carbonat + Vitamin D3	750mg + 200UI	Calciferat 750mg/200IU	893100390124 (VD-30416-18)	Viên	798	60,000			60,000		18,000	14,364,000	Đồng ý	18,000	14,364,000	
12	2190310004848.04	Calci lactat (pentahydrat)	300mg	Ocetamin 300	893110858424 (SĐK CŨ: VD-28285-17)	Viên	2,199	55,000			55,000		16,500	36,283,500	Đồng ý	16,500	36,283,500	
13	2201000007497.04	Calci lactat	500mg	Calsfull	VD-28746-18	Viên	2,250	20,000			20,000		6,000	13,500,000	Đồng ý	6,000	13,500,000	

14	2201080001743.04	Itraconazole (dưới dạng vi hạt chứa itraconazole 22%)	100mg	Conazonin	893110671124 (VD-26979-17)	Viên	2,890	25,000			25,000		7,500	21,675,000	Đồng ý	7,500	21,675,000	
15	2201050009977.04	Carbidopa (dưới dạng carbidopa monohydrate 10,8mg); Levodopa	10mg + 100mg	Firvomef 10/100 mg	893110237424	Viên	2,730	33,000			33,000		9,900	27,027,000	Đồng ý	9,900	27,027,000	
16	0180430017288.04	Carbidopa (dưới dạng carbidopa monohydrate 27mg); Levodopa	25mg + 250mg	Firvomef 25/250 mg	893110293524	Viên	3,486	75,000			75,000		22,500	78,435,000	Đồng ý	22,500	78,435,000	
17	2220960000959.04	Midazolam (dưới dạng Midazolam HCl 5,56mg)	5mg/1ml	Zodalan	893112265523	Ống	15,750	5,000			5,000		1,500	23,625,000	Đồng ý	1,500	23,625,000	
18	0180420005646.04	Vitamin B1 + B6 + B12	100mg + 200mg + 200mcg	Neurotrivit	893110074700 (SĐK cũ: VD-29286-18)	Viên	630	50,000			50,000		15,000	9,450,000	Đồng ý	15,000	9,450,000	
19	2211130001586.04	Vitamin B1 + B6 + B12	100mg + 50mg + 500mcg	Vitamin 3B-PV	VD-29922-18	Viên	1,470	80,000			80,000		24,000	35,280,000	Đồng ý	24,000	35,280,000	
20	2201020013829.04	Vitamin B1 + Vitamin B6 + Vitamin B12	125 mg + 125 mg + 250 mcg	3B-Medi	893110113023 (VD-22915-15)	Viên	1,250	130,000			130,000		39,000	48,750,000	Đồng ý	39,000	48,750,000	
21	2190380009279.04	Vitamin B1 + B6 + B12	125mg + 125mg + 500mcg	Me2B	VD-22575-15	Viên	2,350	40,000			39,960	40	12,000	28,200,000	Đồng ý	12,000	28,200,000	
22	2190370009289.04	Vitamin B1 + B6 + B12	175mg + 175mg + 125mcg	Cosyndo B	VD-17809-12 (QUYẾT ĐỊNH SỐ 62/QĐ-QLD NGÀY 08/02/2023 VỀ VIỆC DUY TRÌ HIỆU LỰC GIẤY ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH)	Viên	1,197	30,000			30,000		9,000	10,773,000	Đồng ý	9,000	10,773,000	
23	2220910002842.05	Calci carbonat + vitamin D3	1250mg + 200UI	Agi-Calci	893100380024 (VD-23484-15)	Viên	910	20,000	20,000		40,000		6,000	5,460,000	Đồng ý	6,000	5,460,000	
24	0180420005639.05	Vitamin B1 + B6 + B12	100mg + 100mg + 150mcg	Vitamin 3B extra	893100337924	Viên	980	50,000	30,000		80,000		15,000	14,700,000	Đồng ý	15,000	14,700,000	
		Tổng số khoản : 24												928,270,500			996877500	

DANH MỤC THUỐC ĐỀ NGHỊ MUA THÊM ĐƯỢC PHÂN BỔ TRONG THỎA THUẬN KHUNG

Gói thầu số 01: Thuốc generic

(Đính kèm Công văn số: /SYT-NV ngày / /2026 của Sở Y tế thành phố Đồng Nai)

Kính gửi : [03] Bệnh viện Da liễu thành phố Đồng Nai

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Tên thuốc	GPLH hoặc GPNK	Đơn vị tính	Đơn giá	Kết quả thực hiện					Đề nghị mua thêm		Kết quả duyệt			Ghi chú
								Số lượng được phân bổ	Số lượng đã điều tiết	Số lượng đã mua thêm	Số lượng đã nhập	Số lượng phân bổ còn lại đến thời điểm hiện tại	Số lượng	Thành tiền	Kết quả	Số lượng	Thành tiền	
1	0180480012790.02	Amoxicilin + Acid clavulanic	500mg + 62,5mg	Biocemet tab 500mg/62,5mg	893110809824 (VD-33450-19)	Viên	8,925	5,000			4,998	2	1,498	13,369,650	Đồng ý	1,498	13,369,650	
2	2201000003741.02	Betamethason	0,5mg/1g; 30g	Asbesone	531110007624 (SĐK CŨ: VN-20447-17)	Tuýp	61,500	1,000			1,000		300	18,450,000	Đồng ý	300	18,450,000	
3	0180470015626.02	Gabapentin	300mg	Neubatel	VD-28921-18	Viên	885	7,000			7,000		2,100	1,858,500	Đồng ý	2,100	1,858,500	
4	0180410015808.03	Levocetirizin	5mg	STADELTINE	893100338723 (VD-27542-17)	Viên	2,000	20,000			20,000		6,000	12,000,000	Đồng ý	6,000	12,000,000	
5	2241170028427.04	Adapalen	0,1%; 15g	Tradalen	893110913024 (VD-33081-19)	Tuýp	46,900	2,000			2,000		600	28,140,000	Đồng ý	600	28,140,000	
6	2241120028958.04	Betamethason	0,064%; 30g (dạng muối dipropionat)	Betamethason	893110654524 (VD-28278-17)	Tuýp	23,499	1,926			1,926		570	13,394,430	Đồng ý	570	13,394,430	
7	2201030006187.04	Clindamycin (dưới dạng Clindamycin hydroclorid)	300mg	Clyodas 300	VD-21632-14	Viên	1,365	25,000			25,000		7,500	10,237,500	Đồng ý	7,500	10,237,500	
8	2180720001759.04	Clotrimazol	1%; 10g	Cafunten	VD-23196-15	Tuýp	5,600	1,000			1,000		300	1,680,000	Đồng ý	300	1,680,000	
9	0180410013330.04	Doxycyclin (dưới dạng Doxycyclin hyclat)	100mg	Idaroxy	893110557724 (VD-33066-19)	Viên	520	90,000	-5,000		85,000		27,000	14,040,000	Đồng ý	27,000	14,040,000	
10	0180430015758.04	Ebastin	10mg	Atirin 10	893110148624	Viên	500	50,000			49,980	20	15,000	7,500,000	Đồng ý	15,000	7,500,000	
11	0180400012442.04	Fexofenadin hydroclorid	180mg	Fefasdin 180	893100483824	Viên	536	70,000			70,000		21,000	11,256,000	Đồng ý	21,000	11,256,000	
12	2200580005046.04	Gabapentin	300mg	Gabapentin	VD-22908-15	Viên	352	3,000			3,000		900	316,800	Đồng ý	900	316,800	
13	2200540006755.04	Isotretinoin 10mg	10 mg	Isotretinoin 10mg	893110540024 VD-26881-17	Viên	2,360	60,000			60,000		18,000	42,480,000	Đồng ý	18,000	42,480,000	
14	2201080001743.04	Itraconazole (dưới dạng vi hạt chứa itraconazole 22%)	100mg	Conazonin	893110671124 (VD-26979-17)	Viên	2,890	33,000			33,000		9,900	28,611,000	Đồng ý	9,900	28,611,000	
15	2241130031108.04	Kẽm (dưới dạng Kẽm gluconat)	10mg	A.T Zinc	893110702824	Viên	126	300,000			300,000		90,000	11,340,000	Đồng ý	90,000	11,340,000	
16	2180750002016.04	Ketoconazol	2%; 5g	Ketoconazol	893100355023 (VD-23197-15)	Tuýp	2,800	1,000			1,000		300	840,000	Đồng ý	300	840,000	

17	0180470016159.04	Methylprednisolone	16mg	Kapredin	893110154323	Viên	550	7,000			7,000		2,100	1,155,000	Đồng ý	2,100	1,155,000	
18	2190340006904.04	Metronidazol	1%; 15g	Gelacmeigel	893105875024 (VD-28279-17)	Tuýp	16,000	2,000			2,000		600	9,600,000	Đồng ý	600	9,600,000	
19	2201050013349.04	Terbinafin hydroclorid	10mg/1g	Kem Tenafin 1%	VD-32014-19	Tuýp	25,000	694			694		200	5,000,000	Đồng ý	200	5,000,000	
20	2241130034123.04	Urea	20%; 20g	A.T Urea 20%	VD-33398-19	Tuýp	53,991	2,000			2,000		600	32,394,600	Đồng ý	600	32,394,600	
21	2220930005205.04	Vitamin A	5000UI	Agirenyl	VD-14666-11	Viên	235	300,000			300,000		90,000	21,150,000	Đồng ý	90,000	21,150,000	
22	2230530002016.04	Vitamin B1 + B6 + B12	12,5mg + 12,5mg + 12,5mcg	Vitamin B1+B6+B12	VD-16608-12	Viên	300	20,000			20,000		6,000	1,800,000	Đồng ý	6,000	1,800,000	
23	0180480014770.04	Nicotinamid	500mg	Vitamin PP	893110438324 (VD-31750-19)	Viên	158	220,000			220,000		66,000	10,428,000	Đồng ý	66,000	10,428,000	
24	2241140034472.05	Adapalen	0,1%; 15g	Tradalen	893110913024 (VD-33081-19)	Tuýp	46,900	1,000			1,000		300	14,070,000	Đồng ý	300	14,070,000	
25	2180770000801.05	Clobetasol propionat micronised 0,05 % (w/w)	0,05 %	Tralop 0,05%	893110166523	Tuýp	9,500	400			400		120	1,140,000	Đồng ý	120	1,140,000	
26	2180750003198.05	Tacrolimus (dưới dạng Tacrolimus monohydrat)	0,3mg/1g	Tacrolim 0,03%	893110232723	Tuýp	35,000	2,000			2,000		600	21,000,000	Đồng ý	600	21,000,000	
27	2241150035636.05	Terbinafin hydroclorid	10mg/1g	Kem Tenafin 1%	VD-32014-19	Tuýp	25,000	1,000			1,000		300	7,500,000	Đồng ý	300	7,500,000	
		Tổng số khoản : 27												340,751,480			340751480	

DANH MỤC THUỐC ĐỀ NGHỊ MUA THÊM ĐƯỢC PHÂN BỔ TRONG THỎA THUẬN KHUNG

Gói thầu số 01: Thuốc generic

(Đính kèm Công văn số: /SYT-NV ngày / /2026 của Sở Y tế thành phố Đồng Nai)

Kính gửi : [13] Trung tâm y tế khu vực Nhơn Trạch

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Tên thuốc	GPLH hoặc GPNK	Đơn vị tính	Đơn giá	Kết quả thực hiện					Đề nghị mua thêm		Kết quả duyệt			Ghi chú
								Số lượng được phân bổ	Số lượng đã điều tiết	Số lượng đã mua thêm	Số lượng đã nhập	Số lượng phân bổ còn lại đến thời điểm hiện tại	Số lượng	Thành tiền	Kết quả	Số lượng	Thành tiền	
1	0180450016650.01	Metformin Hydrochlorid 500mg	500mg	Metformin 500	VN-20289-17	Viên	435	45,000			45,000		13,500	5,872,500	Đồng ý	13,500	5,872,500	
2	2201040005477.01	Piracetam	400mg	Apratam	"VN-15827-12 (QĐ gia hạn GĐKLH số: 62/QĐ-QLD ngày 08/02/2023 "	Viên	1,635	30,000			30,000		9,000	14,715,000	Đồng ý	9,000	14,715,000	
3	2190380002409.02	Ampicillin (dưới dạng Ampicillin natri) + Sulbactam (dưới dạng Sulbactam natri)	2g + 1g	Auropennz 3.0	890110068923 (VN-17644-14)	Lọ	94,983	350			350		105	9,973,215	Đồng ý	105	9,973,215	
4	0180460001745.02	Metformin	750mg	Metsav 750 XR	893110230424	Viên	1,674	60,000			51,300	8,700	18,000	30,132,000	Đồng ý	18,000	30,132,000	
5	0180400001767.02	Methylprednisolone (dưới dạng Methylprednisolone sodium succinate)	40mg	Pdsolone-40mg	VN-21317-18	Lọ	27,000	840			840		252	6,804,000	Đồng ý	252	6,804,000	
6	2200580007507.02	Paracetamol (acetaminophen)	250mg	Paracetamol STADA 250 mg	VD-23227-15	Gói	2,890	24,500			19,980	4,520	7,350	21,241,500	Đồng ý	7,350	21,241,500	
7	2200510007164.03	Amlodipin	5mg	Amlodipin 5mg	893110321224 (VD-29876-18)	Viên	126	120,000	20,000		120,000	20,000	36,000	4,536,000	Đồng ý	36,000	4,536,000	
8	2201030000291.03	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicillin trihydrat) + Acid clavulanic (dưới dạng Clavulanat kali)	250mg + 31,25mg	Klamentin 250/31.25	VD-24615-16 CV gia hạn số 62/QĐ-QLD	gói	3,129	15,000			14,400	600	4,500	14,080,500	Đồng ý	4,500	14,080,500	
9	0180410016720.03	Acid clavulanic (tương đương Potassium clavulanat Avicel 297,5mg) 125mg; Amoxicilin (tương đương Amoxicilin trihydrat compacted 1.004,5mg) 875mg	875mg + 125mg	Auclanityl 875/125mg	893110394324 (VD-27058-17)	Viên	4,100	20,000			19,992	8	6,000	24,600,000	Đồng ý	6,000	24,600,000	

10	2241100028275.03	Glibenclamide + Metformin hydrochloride	5mg + 1000mg	Glutowin Plus	890110435723	Viên	3,300	45,500			33,000	12,500	13,650	45,045,000	Từ chối			Trung tâm Y tế khu vực Nhơn Trạch chưa nhập hết đến số lượng nhập đến thời điểm hiện tại
11	0180420011074.03	Glimepiride + Metformin hydrochloride	2mg + 500mg	Perglim M-2	890110035223	Viên	3,000	40,000			40,000		12,000	36,000,000	Đồng ý	12,000	36,000,000	
12	2190340001961.03	Telmisartan + hydroclorothiazid	40mg + 12,5mg	Mibetel HCT	893110409524 (VD-30848-18)	viên	3,990	45,000			45,000		13,500	53,865,000	Đồng ý	13,500	53,865,000	
13	2241160028352.04	Acetyl leucin	1g/10ml	Zentanil	893110204824 (VD-28885-18)	Lọ	24,200	1,000			1,000		300	7,260,000	Đồng ý	300	7,260,000	
14	2241100028367.04	Acetyl leucin	100mg/ml; 5ml	Acetacmin	893110032524	Ống	13,700	1,000	3,000		1,000	3,000	300	4,110,000	Từ chối			Trung tâm Y tế khu vực Nhơn Trạch chưa nhập hết đến số lượng nhập đến thời điểm hiện tại
15	2241110028371.04	Acetylleucin (N-Acetyl – DL – Leucin)	500mg	Vintanil 500	VD-35634-22	Lọ	13,734	4,000			4,000		1,200	16,480,800	Đồng ý	1,200	16,480,800	
16	2241160028758.04	Atorvastatin	10mg	Atorvastatin OD DWP 10 mg	893110283924	Viên	1,680	35,000			34,860	140	10,500	17,640,000	Đồng ý	10,500	17,640,000	
17	2190780003990.04	Diphenhydramin	10mg/ml; 1ml	Dimedrol	VD-23761-15	Ống	630	1,000			500	500	300	189,000	Từ chối			Trung tâm Y tế khu vực Nhơn Trạch chưa nhập hết đến số lượng nhập đến thời điểm hiện tại
18	2201000008982.04	Esomeprazol	20mg	A.T Esomeprazol 20 inj	893110147424	Lọ	19,005	3,000	500		3,000	500	900	17,104,500	Đồng ý	900	17,104,500	
19	0180460015865.04	Fenofibrat 145mg	145mg	Mibefen NT 145	"893110058900 (VD-34478-20)"	Viên	3,045	20,000			19,980	20	6,000	18,270,000	Đồng ý	6,000	18,270,000	
20	0180460004654.04	Metformin HCl	500mg	Métforilex MR	893110463724	Viên	498	85,000	80,000		118,500	46,500	25,500	12,699,000	Từ chối			Trung tâm Y tế khu vực Nhơn Trạch chưa nhập hết đến số lượng nhập đến thời điểm hiện tại
21	2230560001638.04	Metronidazol	375mg	Mekacap	893115147723	Viên	483	9,881			9,870	11	2,964	1,431,612	Đồng ý	2,964	1,431,612	
22	2241150033847.04	Telmisartan	40mg	Telpharusa 40	893110147823	Viên	1,450	15,000			15,000		4,500	6,525,000	Đồng ý	4,500	6,525,000	
23	2220900005181.04	Valsartan	80mg	Valsartan cap DWP 80mg	VD-35593-22	Viên	1,785	35,000			34,980	20	10,500	18,742,500	Đồng ý	10,500	18,742,500	
		Tổng số khoản : 23												387,317,127			325274127	

DANH MỤC THUỐC ĐỀ NGHỊ MUA THÊM ĐƯỢC PHÂN BỔ TRONG THỎA THUẬN KHUNG

Gói thầu số 01: Thuốc generic

(Đính kèm Công văn số: /SYT-NV ngày / /2026 của Sở Y tế thành phố Đồng Nai)

Kính gửi : [18] Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Đồng Nai - CDC

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Tên thuốc	GPLH hoặc GPNK	Đơn vị tính	Đơn giá	Kết quả thực hiện					Đề nghị mua thêm		Kết quả duyệt			Ghi chú
								Số lượng được phân bổ	Số lượng đã điều tiết	Số lượng đã mua thêm	Số lượng đã nhập	Số lượng phân bổ còn lại đến thời điểm hiện tại	Số lượng	Thành tiền	Kết quả	Số lượng	Thành tiền	
1	0180460013793.01	Metronidazole + Neomycin sulfate + Nystatin	500mg + 65000 IU + 100000 IU	Neo-Tergynan	300115082323 (VN-18967-15)	Viên	11,880	12,679			12,670	9	3,804	45,191,520	Đồng ý	3,804	45,191,520	
2	2230570000478.01	Progesterone dạng bột siêu mịn (progesterone micronized)	200mg	Utrogestan 200mg	840110179823	Viên	14,848	2,000			1,995	5	600	8,908,800	Đồng ý	600	8,908,800	
3	2241150026290.01	Mỗi lọ 15ml dung dịch chứa: Sắt (III) (dưới dạng sắt protein succinylat	40mg (800mg)	Ferlatum	VN-22219-19 (Có QĐ gia hạn số 698/QĐ-QLD ngày 15/10/2024)	Lọ	18,500	20,000			20,000		6,000	111,000,000	Đồng ý	6,000	111,000,000	
		Tổng số khoản : 3												165,100,320			165100320	

DANH MỤC THUỐC ĐỀ NGHỊ MUA THÊM ĐƯỢC PHÂN BỔ TRONG THỎA THUẬN KHUNG

Gói thầu số 01: Thuốc generic

(Đính kèm Công văn số: /SYT-NV ngày / /2026 của Sở Y tế thành phố Đồng Nai)

Kính gửi : [08] Bệnh viện đa khoa khu vực Long Khánh

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Tên thuốc	GPLH hoặc GPNK	Đơn vị tính	Đơn giá	Kết quả thực hiện					Đề nghị mua thêm		Kết quả duyệt			Ghi chú
								Số lượng được phân bổ	Số lượng đã điều tiết	Số lượng đã mua thêm	Số lượng đã nhập	Số lượng phân bổ còn lại đến thời điểm hiện tại	Số lượng	Thành tiền	Kết quả	Số lượng	Thành tiền	
1	2190340002326.01	Amiodaron hydroclorid	200mg	Amiodarona GP	VN-23269-22	Viên	6,629	2,000			1,980	20	600	3,977,400	Đồng ý	600	3,977,400	
2	2241150024258.01	Budesonid, Formoterol fumarate dihydrate	Mỗi liều xịt chứa: Budesonid 160mcg; Formoterol fumarate dihydrate 4,5mcg	Symbicort Rapihaler	VN-21667-19	Bình	434,000	100			100		30	13,020,000	Đồng ý	30	13,020,000	
3	2241170024269.01	Budesonid, Formoterol fumarate dihydrate	Mỗi liều phóng thích chứa: Budesonid 160mcg; Formoterol fumarate dihydrate 4,5mcg	Symbicort Turbuhaler	VN-20379-17	Ống	219,000	1,400			1,400		420	91,980,000	Đồng ý	420	91,980,000	
4	2201060001183.01	Fluconazole	150mg	Diflazon 150mg	VN-22563-20	Viên	21,987	300			300		90	1,978,830	Đồng ý	90	1,978,830	
5	2190310006064.01	Kali clorid	500mg	Kalium chloratum biomedica	VN-14110-11	Viên	1,800	60,000	-1,000		59,000		18,000	32,400,000	Đồng ý	18,000	32,400,000	
6	0180420015140.01	Metformin hydrochloride	850mg	Metformin Stella 850 mg	VD-26565-17	Viên	700	60,000	10,000		60,000	10,000	18,000	12,600,000	Đồng ý	18,000	12,600,000	
7	2241130025992.01	Pirenoxin	0,25mg/5ml	Kary Uni	499110080823	Lọ	32,424	1,200			1,200		360	11,672,640	Đồng ý	360	11,672,640	
8	2241170026249.01	Mỗi liều xịt chứa: 25mcg Salmeterol (dạng xinafoate micronised) và 125mcg Fluticasone propionate (dạng micronised)	25mcg + 125mcg	Seretide Evohaler DC 25/125mcg	840110784024 (VN-21286-18)	Bình xịt	210,176	200			200		60	12,610,560	Đồng ý	60	12,610,560	
9	2241160026259.01	Mỗi liều xịt chứa: Salmeterol (dưới dạng salmeterol xinafoate micronised); Fluticason propionate (dạng micronised)	25mcg + 250mcg	Seretide Evohaler DC 25/250 mcg	840110788024 (VN-22403-19)	Bình xịt	278,090	300			300		90	25,028,100	Đồng ý	90	25,028,100	

10	2241150026269.01	Fluticasone propionate ; Salmeterol xinafoate	Fluticasone propionate 50mcg; Salmeterol 25mcg/liều	Seretide Evohaler DC 25/50mcg	840110783924 (VN-14684-12)	Bình xịt	147,425	533			533		160	23,588,000	Đồng ý	160	23,588,000	
11	2241120026275.01	Mỗi liều hít chứa: Salmeterol (dưới dạng Salmeterol xinafoate) 50mcg; Fluticason propionat 250mcg	50mcg/ 250mcg	Seretide Accuhaler 50/250mcg	001110013824 (VN-20766-17)	Hộp (1 bình hít)	199,888	200			200		60	11,993,280	Đồng ý	60	11,993,280	
12	2190310002059.01	Natri valproat	200mg	Depakine 200mg	840114019124 (VN-21128-18)	Viên	2,479	30,000			30,000		9,000	22,311,000	Đồng ý	9,000	22,311,000	
13	2190340002326.02	Amiodaron hydroclorid	200mg	Amcoda 200	893110893324 (VD-32534-19)	Viên	2,700	9,000	2,000		9,000	2,000	2,700	7,290,000	Đồng ý	2,700	7,290,000	
14	2230540000750.02	Cloxacilin	500mg	Clotral	VD-35628-22	Viên	5,600	3,000			3,000		900	5,040,000	Đồng ý	900	5,040,000	
15	0180460016237.02	Tenofovir (TDF)	300mg	SaVi Tenofovir 300	VD-35348-21	Viên	1,850	188,400	-3,000		185,400		56,520	104,562,000	Đồng ý	56,520	104,562,000	
16	2201060001183.03	Fluconazol	150mg	Fluconazole Stella 150 mg	893110462324 (VD-32401-19)	Viên	11,718	700			700		210	2,460,780	Đồng ý	210	2,460,780	
17	2241110028388.04	N - Acetylcystein	300mg/3ml	Nobstruct	893110395724 (SĐK cũ VD-25812-16)	Ống	31,500	1,990			1,990		597	18,805,500	Đồng ý	597	18,805,500	
18	2241170028427.04	Adapalen	0,1%; 15g	Tradalen	893110913024 (VD-33081-19)	Tuýp	46,900	150			150		45	2,110,500	Đồng ý	45	2,110,500	
19	0180400013210.04	Codein phosphat + Terpin hydrat	10mg + 100mg	Terpin codein 10	VD-35730-22	Viên	780	120,000			120,000		36,000	28,080,000	Đồng ý	36,000	28,080,000	
20	2220950003106.04	Codein + terpin hydrat	10mg + 100mg	Terpin - Codein HD	893101855424 (VD-32105-19)	Viên	1,000	100,000			100,000		30,000	30,000,000	Đồng ý	30,000	30,000,000	
21	0180410013330.04	Doxycyclin (dưới dạng Doxycyclin hyclat)	100mg	Idaroxy	893110557724 (VD-33066-19)	Viên	520	33,000			33,000		9,900	5,148,000	Đồng ý	9,900	5,148,000	
22	2241130030682.04	Gentamicin (dưới dạng gentamicin sulfat)	40mg/ml	GENTAMICIN KABI 40MG/ML	VD-22590-15	Ống	1,800	5,000			5,000		1,500	2,700,000	Đồng ý	1,500	2,700,000	
23	2241180030854.04	Hydrocortison (dưới dạng hydrocortison natri succinat pha tiêm)	100mg	Vinphason	893110219823	Lọ	6,489	15,000			15,000		4,500	29,200,500	Đồng ý	4,500	29,200,500	
24	2220960003714.04	Hydrocortison	10mg	Gimtafort	893110243724	Viên	4,935	1,000			1,000		300	1,480,500	Đồng ý	300	1,480,500	
25	2190310006064.04	Kali clorid	500mg	Kali Clorid	893110627524	Viên	800	10,000			10,000		3,000	2,400,000	Đồng ý	3,000	2,400,000	
26	0180430017288.04	Carbidopa (dưới dạng carbidopa monohydrate 27mg); Levodopa	25mg + 250mg	Firvomef 25/250 mg	893110293524	Viên	3,486	45,000			45,000		13,500	47,061,000	Đồng ý	13,500	47,061,000	
27	0180400004669.04	Metformin hydroclorid	1000mg	Glumeform 1000 XR	VD-35537-22	viên	929	370,153			370,140	13	111,046	103,161,734	Đồng ý	111,046	103,161,734	
28	0180450016650.04	Metformin	500mg	Metformin 500mg	VD-13882-11	Viên	160	300,000			300,000		90,000	14,400,000	Đồng ý	90,000	14,400,000	

29	0180460004654.04	Metformin HCl	500mg	Métforilex MR	893110463724	Viên	498	250,000			250,000		75,000	37,350,000	Đồng ý	75,000	37,350,000	
30	0180420015140.04	Metformin hydroclorid	850mg	Metformin 850mg	VD-34246-20	Viên	200	500,000	20,000		519,960	40	150,000	30,000,000	Đồng ý	150,000	30,000,000	
31	0180430016199.04	Metronidazol	250mg	Metronidazol	893115886624 (VD-22175-15)	Viên	122	100,000			100,000		30,000	3,660,000	Đồng ý	30,000	3,660,000	
32	2201060012202.04	Piperacilin (dưới dạng piperacillin natri) + Tazobactam (dưới dạng Tazobactam natri)	4g + 0,5g	Tazopelin 4,5g	VD-20673-14	Lọ	65,982	30,000			30,000		9,000	593,838,000	Đồng ý	9,000	593,838,000	
33	2190330008352.04	Rivaroxaban	20mg	RivaHasan 20	893110133623	Viên	1,848	18,000			18,000		5,400	9,979,200	Đồng ý	5,400	9,979,200	
34	2241150033724.04	Spiramycin; Metronidazol	1.500.000IU + 250mg	Kamydazol fort	893115886424 (VD-22174-15)	Viên	2,746	30,000			30,000		9,000	24,714,000	Đồng ý	9,000	24,714,000	
35	2201050013349.04	Terbinafin hydroclorid	10mg/1g	Kem Tenafin 1%	VD-32014-19	Tuýp	25,000	361			361		109	2,725,000	Đồng ý	109	2,725,000	
36	2241170034480.05	Adapalen	0,1%; 30g	Akneyash	VN-20743-17	Tuýp	77,900	100			100		30	2,337,000	Đồng ý	30	2,337,000	
37	TP080701.05	Metformin	1000mg	Metformin	893110443424 (VD-31992-19)	Viên	482	150,000	200,000		150,000	200,000	45,000	21,690,000	Từ chối			Bệnh viện đa khoa khu vực Long Khánh chưa nhập hết đến số lượng nhập đến thời điểm hiện tại
38	0180460004654.05	Metformin HCl	500mg	Métforilex MR	893110463724	Viên	498	400,000			400,000		120,000	59,760,000	Đồng ý	120,000	59,760,000	
		Tổng số khoản : 38												1,453,113,52			1431423524	

DANH MỤC THUỐC ĐỀ NGHỊ MUA THÊM ĐƯỢC PHÂN BỔ TRONG THỎA THUẬN KHUNG

Gói thầu số 01: Thuốc generic

(Đính kèm Công văn số: /SYT-NV ngày / /2026 của Sở Y tế thành phố Đồng Nai)

Kính gửi : [04] Bệnh viện Nhi Đồng Đồng Nai

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Tên thuốc	GPLH hoặc GPNK	Đơn vị tính	Đơn giá	Kết quả thực hiện					Đề nghị mua thêm		Kết quả duyệt			Ghi chú
								Số lượng được phân bổ	Số lượng đã điều tiết	Số lượng đã mua thêm	Số lượng đã nhập	Số lượng phân bổ còn lại đến thời điểm hiện tại	Số lượng	Thành tiền	Kết quả	Số lượng	Thành tiền	
1	2210250000127.01	Natri valproate; Acid valproic	333,00mg; 145,00mg	Depakine Chrono	VN-16477-13	Viên	6,972	12,000			12,000		3,600	25,099,200	Đồng ý	3,600	25,099,200	
2	2210250000127.02	Natri valproate; Acid valproic	333,00mg; 145,00mg	Depakine Chrono	VN-16477-13	Viên	6,972	15,000			15,000		4,500	31,374,000	Đồng ý	4,500	31,374,000	
		Tổng số khoản : 2												56,473,200			56473200	

DANH MỤC THUỐC ĐỀ NGHỊ MUA THÊM ĐƯỢC PHÂN BỔ TRONG THỎA THUẬN KHUNG

Gói thầu số 01: Thuốc generic

(Đính kèm Công văn số: /SYT-NV ngày / /2026 của Sở Y tế thành phố Đồng Nai)

Kính gửi : [04] Bệnh viện Nhi Đồng Đồng Nai

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Tên thuốc	GPLH hoặc GPNK	Đơn vị tính	Đơn giá	Kết quả thực hiện					Đề nghị mua thêm		Kết quả duyệt			Ghi chú
								Số lượng được phân bổ	Số lượng đã điều tiết	Số lượng đã mua thêm	Số lượng đã nhập	Số lượng phân bổ còn lại đến thời điểm hiện tại	Số lượng	Thành tiền	Kết quả	Số lượng	Thành tiền	
1	2201070015248.05	Acid valproic : Natri valproat (1:2) 478mg (tương đương Natri valproat 500mg)	478mg	Milepsy Chrono 500	893110161600	Viên	6,700	15,000			14,980	20	4,500	30,150,000	Đồng ý	4,500	30,150,000	
		Tổng số khoản : 1												30,150,000			30150000	